

Bản án số: 11/2018/HS-PT
Ngày 23 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trung Thành.

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà La Thị Sứ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị T (tên gọi khác: Lê Phương T) do có kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2018/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Bị cáo bị kháng cáo: Lê Thị T. Tên gọi khác: Lê Phương T, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1992 tại huyện Y, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Tà Làng Thấp, xã N, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Lò Thị B; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn M (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2009; Bị cáo chung sống với anh Đỗ Văn Tr (Chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh ngày 25 tháng 8 năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 06/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc. Bị cáo được tại ngoại, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

+ Bị hại: Anh Trần Anh Kh, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tiểu khu 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Phó Đức D, Luật sư của công ty luật TNHH OPIC và cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Đỗ Đức K, sinh năm 1982; chỗ ở hiện nay: Xóm 9, xã S, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nơi HKTT:

Xóm C, xã P, huyện PH, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị T sau khi ly hôn có quan hệ tình cảm và chung sống với Đỗ Văn Tr, sinh năm 1973, trú tại: Bản TN, xã Ch, huyện M, tỉnh Sơn La. Sáng ngày 19/10/2016, Lê Thị T đi từ nhà ở bản L, xã N, huyện Y đến huyện M chơi. Khi đi, T mang 01 chiếc ví bên trong đựng 02 chứng minh nhân dân đều mang tên Lê Thị T, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Đỗ Văn Tr. Khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, T đến quán nhà anh Nguyễn Thanh Q, trú tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La và thuê của anh Quang 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA-BKS: 26F7-5527 trong thời hạn 05 ngày với giá 120.000 đồng/1 ngày, sau đó T để lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị T để làm tin.

Quá trình đi chơi, T có ý định thuê xe ô tô tự lái về xã CH rủ Đỗ Văn Tr về quê ở tỉnh Thái Bình chơi. Do quen biết Trần Anh Kh là người cho thuê xe ô tô tự lái nên T đã điện thoại cho anh Kh thuê xe tự lái, anh Kh đồng ý. Do không biết lái xe ô tô nên T đã điều khiển xe máy đi tìm người biết lái xe ô tô đến nhà anh Kh với T. Khi đi đến tiểu khu 6, thị trấn M thì T gặp một người đàn ông đang ngồi trên xe Taxi, T đặt vấn đề thuê người lái xe Taxi đến nhà anh Kh để thuê xe tự lái. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T và người đàn ông lái xe Taxi vào trong nhà và gặp bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1964 (là mẹ đẻ của Kh) để thuê xe ô tô, bà V đồng ý cho T thuê xe hiệu TOYOTA - INOVA - BKS: 26A-038.89. Hai bên lập hợp đồng thuê xe ô tô, T lấy giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Đỗ Văn Tr đưa cho bà V viết vào hợp đồng thuê xe. Sau khi viết đầy đủ thông tin là Đỗ Văn Tr vào hợp đồng thuê xe trong thời gian là 05 ngày kể từ ngày 19/10/2016 đến ngày 23/10/2016 với giá 800.000 đồng/1 ngày rồi cho T ký tên Lê Thị T vào bên thuê xe còn người cho thuê xe là Trần Anh Kh ký vào trong hợp đồng, sau đó bà V trả lại giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe ô tô cho T. Bà V yêu cầu T để lại tài sản để làm tin, T đã để lại 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA-BKS: 26F7-5527 mà T đã thuê của anh Quang. Sau đó bà V giao cho T 01 xe ô tô hiệu TOYOTA - INOVA - BKS: 26A-038.89, 01 bản sao công chứng giấy đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn và bảo vệ môi trường, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự bắt buộc, 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ. Sau đó, người lái xe Taxi điều khiển xe đến nhà nghỉ để đợi người thân của T về quê.

Ở nhà nghỉ, T gọi điện cho Tr thì giữa T và Tr xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên T không rủ Tr về quê nữa. Lúc này T đã nảy sinh ý định mang xe ô tô đã thuê xuống Hòa Bình để cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. T dùng điện thoại gọi cho người lái xe Taxi đến và thuê người đó điều khiển xe ô tô BKS: 26A-038.89 xuống thị trấn T, huyện T, tỉnh Hòa Bình, T đã trả cho người lái xe thuê 1.000.000 đồng tiền công, sau đó T thuê nhà nghỉ ở lại thị trấn T. Đến sáng ngày 20/10/2016, T đi đến hiệu cầm đồ số 28 ở thị trấn T thì gặp Nguyễn Xong T1, sinh năm 1986, trú quán: Xóm L, xã D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình và Võ Ngọc T2, sinh năm 1988, trú quán: Tổ 21, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. T đặt vấn đề với T1 và T2 là muốn cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 26A-

038.89 để lấy tiền. T1 đã điều khiển xe ô tô BKS: 26A-038.89 cùng T đi xuống khu vực thành phố Hòa Bình còn T2 điều khiển một xe ô tô đi sau. Khoảng 12 giờ cùng ngày T1 và T2 đưa T đến nhà trọ của Đỗ Đức K, sinh năm 1982, ở xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, sau đó T1 và T2 đi về. Khi gặp K thì T nói “*Cho em cầm chiếc xe ô tô ở đây*”, K đi ra ngoài xem xe ô tô và bảo “*Muốn cầm bao nhiêu?*” T bảo “*Cho em cầm một trăm triệu*”, K đồng ý, hai bên thỏa thuận cầm cố chiếc xe ô tô từ 10 đến 15 ngày và K sẽ trừ tiền lãi luôn. Khoảng 14 giờ cùng ngày, K mang tiền về và đưa cho T 90.000.000đ sau khi đã khấu trừ 10.000.000đ tiền lãi. K đưa cho T 01 mẫu hợp đồng giao nhận tiền và bảo T ký xác nhận vào hợp đồng, T nhận 90.000.000 đồng sau đó để lại xe ô tô BKS: 26A-038.89 cho K quản lý. Sau khi có tiền T đi đến khu vực bờ sông thành phố Hòa Bình thì thấy một số người không quen biết đang ngồi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa nên T đã tham gia đánh bạc và thua hết 90.000.000 đồng. Do muốn gỡ số tiền đã mất nên T quay lại nhà trọ của K vay thêm 20.000.000đ, K đồng ý và khấu trừ 4.000.000đ tiền lãi đưa cho T 16.000.000 đồng. Sau đó T quay lại đến chỗ các đối tượng đánh bạc, tiếp tục đánh bạc thua hết 16.000.000đ. Khoảng 21 giờ cùng ngày K gọi điện cho T mang giấy tờ xe ô tô đến cho K, T quay lại nhà trọ của K lấy chìa khóa xe ô tô từ K và lấy 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn và bảo vệ môi trường, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự bắt buộc, 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ của xe ô tô 26A-038.89 và 01 chứng minh nhân dân của T đưa cho K còn 01 bản sao công chứng giấy đăng ký xe ô tô BKS: 26A-038.89 mặt sau có xác nhận của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh M đối với chiếc xe ô tô BKS: 26A-038.89 hiện là tài sản thế chấp tại Ngân hàng, nếu không được sự đồng ý của Ngân hàng thì chủ phương tiện không được bán, trao đổi, tặng, cho, cầm cố dưới bất kỳ hình thức nào thì T giữ lại nên K không biết đó là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng. Khi giao giấy tờ cho K T nói là không có đăng ký xe, sau đó T quay về nhà ở bản Tà Làng Thấp, xã N, huyện Y, tỉnh Sơn La. Một thời gian sau, K gọi điện yêu cầu T chuyển đăng ký xe ô tô BKS: 26A-038.89 xuống cho K thì T bảo chỉ có đăng ký xe phô tô K yêu cầu T chụp ảnh gửi qua Zalo cho K. T chụp ảnh mặt trước đăng ký xe gửi vào Zalo cho K nên K vẫn không biết xe ô tô là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng.

Do không có tiền chuộc xe ô tô để trả cho anh Kh theo đúng hợp đồng. Khi anh Kh gọi điện đòi xe ô tô thì T nói công việc chưa xong nên chưa trả xe cho anh Kh được. Để anh Kh yên tâm không đòi xe hoặc đi báo Công an nên ngày 30/10/2016 T nhờ Đỗ Văn Tr mang 10.000.000đ đến trả cho anh Kh. Ngày 10/11/2016 T nhờ một người lái xe Taxi đến trả cho anh Kh 10.000.000đ. Sau đó anh Kh nhiều lần gọi điện thoại đòi xe nhưng T đã tắt điện thoại và đi về huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để tránh mặt anh Kh. Khoảng tháng 3/2017 T lên nhà chị gái ở thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng T không chấp hành. Đến ngày 13/4/2017 T đã được Cơ quan điều tra triệu tập đến để làm việc và khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân.

Quá trình điều tra Đỗ Đức K khai nhận: Vào cuối năm 2016, K có nhu cầu muốn mua một chiếc xe để sử dụng. Ngày 20/10/2016 thì có T1 và T2 nói là có người bạn muốn bán một chiếc xe ô tô, sau đó T1 và T2 đưa T đến bán chiếc xe ô tô BKS: 26A-038.89, K hỏi T xe của ai thì T bảo xe của T mua của anh rề chưa sang tên đổi chủ. K xem xe và thỏa thuận với T giá chiếc xe đó là 450.000.000đ,

K trả trước cho T 150.000.000đ và yêu cầu T về làm giấy tờ với anh rể T bán xe cho K và có xác nhận của chính quyền địa phương thì K sẽ hoàn trả nốt 300.000.000đ, T đồng ý. Sau đó K đã đưa tiền cho T ba lần: Lần thứ nhất 150.000.000 đồng, lần thứ hai là 20.000.000đ, lần thứ ba là 100.000.000đ.

Đến ngày 25/01/2017 do giấy chứng nhận bảo hiểm hết hạn nên K đã rút giấy chứng nhận bảo hiểm hết hạn đi và mua một giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc khác. Đến tháng 4/2017, do giấy chứng nhận kiểm định hết hạn nên K đã nhờ Võ Ngọc T2 đi kiểm định lại và giao toàn bộ giấy tờ xe ô tô cho cho T2. Sau khi giao xe và toàn bộ giấy tờ thì không thấy T2 trở về, qua tìm hiểu thì biết T2 đã mang xe đi cầm cố cho người khác khi không được sự đồng ý của K. Đến đầu tháng 5/2017 thì Võ Ngọc T2 đã tự sát nên K không biết chiếc xe ô tô BKS: 26A-038.89 hiện nay đang ở đâu. Đến ngày 27/7/2017 khi Cơ quan điều tra làm việc với K thì K mới biết chiếc xe ô tô là do T chiếm đoạt của người khác, K đã truy tìm tung tích xe ô tô nhưng vẫn chưa tìm thấy.

Do không truy tìm được chiếc xe, Cơ quan điều tra đã gửi thông báo đến Cục C52 - Bộ Công an, Công an tỉnh Hòa Bình, Công an tỉnh Sơn La nêu phát hiện phương tiện xe ô tô BKS: 26A-038.89 lưu thông thì báo cho Công an huyện M để thu giữ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có kết quả.

Tại biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản số: 32/TĐG-TCKH ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận: Vào thời điểm tháng 11/2016 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA-INNOVA, màu sơn bạc, BKS: 26A-038.89, số khung 43G89253778, số máy 1TR6661479, xe số tự động. Xe cũ đã qua sử dụng. Trị giá 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng).

Về bồi thường dân sự: Anh Trần Anh Kh yêu cầu bị cáo Lê Thị T phải bồi thường giá trị chiếc xe là 522.000.000đ; bồi thường tiền thiệt hại mất thu nhập của xe ô tô từ 19/10/2016 đến nay là 15 tháng x 15.000.000đ/1 tháng là 225.000.000đ. Tổng số tiền anh Kh yêu cầu bồi thường là 747.000.000đ. bị cáo Lê Thị T chỉ chấp nhận bồi thường giá trị chiếc xe là 410.000.000đ và bồi thường thiệt hại mất thu nhập tính từ ngày 19/10/2016 đến nay là 15 tháng x 15.000.000đ/1 tháng bằng 225.000.000đ. Tổng cộng là 635.000.000đ.

Tại bản án số 53/2018/HS-ST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T (Tên gọi khác: Lê Phương T) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Lê Thị T phải bồi thường cho anh Trần Anh Kh giá trị chiếc xe ô tô là 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng) và tiền mất thu nhập từ việc kinh doanh xe ô tô của anh Kh là 225.000.000đ (Hai trăm, hai mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền Lê Thị T phải bồi thường là 635.000.000đ (Sáu trăm, ba mươi lăm triệu đồng). Lê Thị T đã trả cho anh Trần Anh Kh được 20.000.000đ

(Hai mươi triệu đồng). Lê Thị T phải bồi thường cho anh Trần Anh Kh số tiền còn lại là 615.000.000đ (Sáu trăm, mười lăm triệu đồng).

Bác yêu cầu của bị hại Trần Anh Kh đối với phần yêu cầu về trị giá chiếc xe ô tô không được Tòa án chấp nhận là 112.000.000đ (Một trăm, mười hai triệu đồng).

Đối với phần bồi thường dân sự giữa Đỗ Đức K và Lê Thị T do các bên chưa có yêu cầu do đó tách ra để giải quyết sau khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng.

Ngày 31/01/2018, người bị hại có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự vì người bị hại và Luật sư không đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, định giá lại tài sản để định khung hình phạt đối với bị cáo, xem xét trách nhiệm hình sự và dân sự đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét trách nhiệm đối với Cơ quan cảnh sát điều tra khi chậm giải quyết đơn thư, kiến nghị của người bị hại. Ngày 03/02/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo với nội dung: đề nghị được tham gia phiên tòa hình sự phúc thẩm và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa người bị hại bổ sung kháng cáo: Yêu cầu người liên quan Đỗ Đức K phải trả lại tài sản, nếu không trả lại được tài sản thì phải trả bằng tiền trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực. Yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại do bản án sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm, người phạm tội và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Không chấp nhận toàn bộ tình tiết giảm nhẹ cho người bị cáo, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Việc điều tra thu thập vật chứng tại cấp sơ thẩm không đầy đủ, thủ tục định giá chưa đúng, việc triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Tòa án không hợp lệ dẫn đến việc giải quyết việc giải quyết vụ án không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên. Do đó, đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HSST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, giao lại cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại.

- Bị cáo, người bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị T khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 19/10/2017, Lê Thị T đã hợp đồng thuê 01 chiếc xe ô tô hiệu TOYOTA-INOVA Biển kiểm

soát: 26A-038.89 của anh Trần Anh Kh, sau đó mang đi cầm cố cho Đỗ Đức K lấy 120.000.000đ để chi tiêu cá nhân dẫn đến việc không trả lại được tài sản cho người bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định Đỗ Đức K không biết việc bị cáo Lê Thị T thuê chiếc xe ô tô BKS: 26A-038.89 của Trần Anh Kh đem cầm cố và hoàn toàn tin lời của bị cáo nói là xe của anh rẽ bán cho, chưa kịp sang tên, điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo và anh Nguyễn Xong T1. Do đó, cấp sơ thẩm không khởi tố điều tra Đỗ Đức K về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ.

[3] Về tố tụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 17 Nghị định 26/2005/CD-CP ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự và hướng dẫn tại Mục 3 Chương II Thông tư 55/2006/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 26/2005/CD-CP, Hội đồng định giá phải có ít nhất 03 thành viên, việc thu thập các mức giá phải được thực hiện ít nhất là 03 phiếu điều tra cho một vụ việc yêu cầu định giá, biên bản định giá phải thể hiện kết quả khảo sát giá trị của tài sản. Tuy nhiên, Hội đồng định giá tài sản huyện M được thành lập chỉ với 02 thành viên, trong hồ sơ vụ án cũng như biên bản định giá không thể hiện kết quả khảo sát giá, cơ quan điều tra chỉ lập 02 biên bản sơ bộ định giá trị tài sản, trong hồ sơ vụ án không thể hiện phiếu khảo sát theo đúng mẫu hướng dẫn. Như vậy, việc định giá của Hội đồng định giá chưa đảm bảo trình tự và nội dung theo quy định. Kết quả định giá là căn cứ quan trọng để xác định khung hình phạt và bồi thường dân sự đối với bị cáo, do đó cần được thực hiện lại theo đúng trình tự, nội dung về định giá đã được nêu trên.

Quá trình điều tra anh Đỗ Đức K cho rằng, giao dịch dân sự giữa anh và bị cáo là mua bán chứ không phải cầm cố như bị cáo khai nhận, theo đó anh K mua lại của bị cáo chiếc xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA-INNOVA, màu sơn bạc, BKS: 26A - 038.89 với giá 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai nhận hành vi đem xe đi cầm cố của bị cáo thì nội dung trên còn được chứng minh bằng lời khai của Nguyễn Xong T1 là người đã đưa bị cáo T đến gặp Đỗ Đức K, T1 xác nhận mục đích T là cầm cố chiếc xe trên cho K để lấy tiền đánh bạc (thể hiện tại các bút lục 136, 137, 138). Mặt khác, anh K cũng không xuất trình được bản gốc của hợp đồng mua bán (bản pho tô đã bị gạch xóa số tiền giao dịch), nên không có căn cứ để giám định lại chữ viết trong hợp đồng, do đó không có căn cứ chứng minh giữa anh K và bị cáo đã kí kết hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô INOVA BKS 26A 038.89, mà thực chất là bị cáo đã cầm cố chiếc xe cho anh K. Theo quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự 2015, anh Đỗ Đức K nhận cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 26A-038.89 từ bị cáo là không ngay tình, bởi lẽ khi cầm cố, bị cáo không xuất trình được giấy tờ chứng minh chiếc xe ô tô là tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc giấy tờ sang nhượng hợp pháp, tuy nhiên, anh Đỗ Đức K vẫn nhận cầm cố tài sản trên là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, giao dịch cầm cố tài sản là chiếc xe ô tô INOVA, BKS: 26A-038.89 giữa bị cáo và anh Đỗ Đức

K là vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu được giải quyết theo Điều 131 Bộ luật Dân sự. Việc anh Đỗ Đức K là người đang có trách nhiệm quản lý chiếc xe nhưng đã làm mất chiếc xe của người bị hại thì phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại tương ứng với phần lỗi của mình. Nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định tách phần bồi thường dân sự giữa anh K và bị cáo Lê Thị T ra để giải quyết là thiếu sót, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại.

Tại cơ quan điều tra, không làm rõ được yêu cầu về bồi thường dân sự của anh K; tại phiên tòa sơ thẩm không đảm bảo việc triệu tập hợp lệ dẫn đến việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên cũng không làm rõ được quyền và nghĩa vụ của họ, đã ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bị cáo và các đương sự trong vụ án (Tại phiên tòa phúc thẩm Đỗ đức K đã được triệu tập 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc điều tra không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Để giải quyết vụ án toàn diện, khách quan, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của những người tham gia tố tụng cần chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[4] Đối với nội dung kháng cáo của người bị hại: Đề nghị loại bỏ tình tiết giảm nhẹ của cấp sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xem xét trách nhiệm của cơ quan cảnh sát điều tra trong việc chậm giải quyết đơn thư kiến nghị của người bị hại và nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt; do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Đức K kháng cáo về phần dân sự trong vụ án hình sự tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho anh K biết là phải nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy để điều tra lại nên người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HS-ST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La để điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Anh Trần Anh Kh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; anh Đỗ Đức K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2018).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện M;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã kí)

Đinh Huy Hiệp